

# DẤU PHẪY VỚI NGHĨA CỦA CÂU TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH

## COMMAS AND THE SENTENCE MEANING IN VIETNAMESE AND ENGLISH

TRẦN THỦY VỊNH

(TS; Đại học KHXH&NV, ĐHQG TP HCM)

**Abstract:** This paper discusses the role of commas in Vietnamese and English, and points out that the sentence meaning can be changed if comma manifestations in the sentence are changed. Also, the presence or absence of commas in a sentence helps the reader to understand the writer's intention expressed in the text easily, correctly; thus, the writer needs to be more careful when using commas.

**Key words:** comma; serial comma; meaning; sentence meaning; ambiguity.

1. Trong văn viết, các dấu câu có vai trò rất quan trọng. Nhờ chúng, người viết có thể diễn đạt câu rõ ràng, trong sáng và người đọc hiểu nhanh chóng, dễ dàng. Ở một số trường hợp, dấu câu có thể được dùng để phân biệt các mối quan hệ cú pháp, làm rõ nghĩa cho câu. Ngoài cơ sở cú pháp, dấu câu còn dựa vào cơ sở ngữ điệu ghi lại ngữ điệu của câu: ở đây chủ yếu là những quãng ngắt giọng (chỗ nghỉ) và sự lên giọng, xuống giọng trong lời nói. Chẳng hạn: “dấu chấm là chỗ nghỉ tương đối dài và xuống giọng, dấu phẩy là chỗ nghỉ tương đối ngắn hơn và thường là hơi lên giọng, dấu ngoặc đơn để người nghe có thể nhận ra đó là phần chêm vào câu... Những yếu tố khác của ngữ điệu như trọng âm lô gích, âm sắc, cường độ giọng nói, sự phân đoạn (ở vị trí bất kì trong câu)... nhìn chung rất khó được biểu thị bằng dấu câu” [4 : tr. 25]. Đây cũng là một trong những lí do là có nhiều câu khi viết thì mơ hồ nhưng khi nói thì không.

Trong dấu câu, dấu phẩy cực kì quan trọng. Dấu phẩy giúp người đọc phân chia các ý trong câu sao cho phù hợp với cấu trúc ngữ pháp-ngữ nghĩa mà người viết muốn truyền đạt. Tuy nhiên, có một số trường hợp

người viết quên đặt, đặt thừa hoặc sai dấu phẩy, dẫn tới người đọc hiểu sai ý nghĩa của câu.

Bài viết bàn về vai trò của dấu phẩy trong câu tiếng Việt và tiếng Anh, cho thấy ngữ nghĩa của câu biến đổi theo vị trí, sự hiện diện hay thiếu vắng dấu phẩy trong câu; qua đó, giúp người viết (hoặc người học tiếng) cẩn trọng hơn khi sử dụng dấu phẩy, cũng như giúp người đọc nhận biết dễ dàng, chính xác ý định của người viết thể hiện qua văn bản.

### 2. Dấu phẩy và ngữ nghĩa của câu trong tiếng Việt

#### 2.1. Chuyển vị dấu phẩy và ngữ nghĩa của câu

Dấu phẩy có tác dụng làm rõ cấu trúc cú pháp của câu, chỉ ra ranh giới giữa các yếu tố của từ, ngữ, cú,... Trong văn nói, dấu phẩy thể hiện ngữ điệu lên trên câu văn, câu thơ; có trường hợp nó không chỉ là một phương tiện ngữ pháp, mà còn là phương tiện để biểu thị những sắc thái về ngữ nghĩa, về tình cảm, thái độ của người viết. Do vậy, việc vận dụng dấu phẩy, trong một số trường hợp, cũng phải linh động, uyển chuyển. Chẳng hạn, xét các câu thơ sau:

(1) *Người ra đi đâu không ngoảnh lại*

Sau lưng thêm nắng lá rơi đây

(Đất nước - Nguyễn Đình Thi)

(2) *Nửa chùng xuân thoát gậy cành thiên hương* (Truyện Kiều - Nguyễn Du)(3) Trời mây xanh nhạt màu hư ảo

Đầy xú mơ màng, đầy xú thơ...

(Dừng dưng - Tố Hữu)

Ví dụ (1) là câu thơ thuộc loại thơ mới, khá tự do về nhịp. Khi tri nhận câu thơ này, tuy cảm nhận nông sâu của người đọc mà dịch chuyển chỗ ngưng giọng (tức “dấu phẩy”) trong câu; và như vậy câu thơ có thể hiểu theo hai cách: *Sau lưng thêm nắng, lá rơi đây* hoặc *Sau lưng thêm, nắng lá rơi đây*. Cách hiểu thứ nhất thiên về nhịp thơ cổ điển 4/3. Ta có thể hình dung ra hình ảnh “lá rơi trên thêm đầy nắng”. Cách hiểu thứ hai tạo ra một ý lạ, được xem là thi vị hơn: “nắng rơi và lá rơi đây thêm”. Trong thơ có những chữ, những lời người đọc có thể thêm vào, có thể “diễn xuôi” để hiểu rõ nó, như sau: ... *Người ra đi đầu không ngoảnh lại*, và (vẫn hình dung ra) *sau lưng* (mình), (trên) *thêm* (những ngôi nhà yêu thương ở Hà Nội), *nắng* (và) *lá rơi đây* [3 : tr. 73].

Ở ví dụ (2), câu thơ không có dấu phẩy, ngắt giọng như thế nào là đúng và thi vị là cả một vấn đề. Hầu hết mọi người đều cho rằng phải ngắt theo đúng cấu trúc ngữ pháp - ngữ nghĩa, như sau: *Nửa chùng xuân/ thoát gậy cành thiên hương*. Tuy nhiên, nhà nghiên cứu Phạm Đan Quế (2009) thì cho rằng phải ngắt giọng theo nhịp thơ 3-1-4, với cách ngắt câu đứt quãng, để cho ta cảm tưởng sống động về cái chết đột ngột của Đạm Tiên khi đang còn xuân sắc: *Nửa chùng xuân/ thoát/ gậy cành thiên hương*. Còn Giáo sư Lê Trí Viễn, trong một cuộc hội thảo ở Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, cho rằng phải ngắt giọng theo nhịp thơ mới đúng; và, để minh họa cho ý kiến của mình, Giáo sư đã ngâm nga: *Nửa chùng/ xuân thoát/ gậy cành / thiên hương*. Ai nghe cũng thấy hay. [3 : tr. 72].

Tương tự, ở câu (3), ta không rõ là nên ngắt giọng (hay có thể đặt “dấu phẩy”) ở đâu, trước hay từ *nhạt*.

Bây giờ, để làm rõ nghĩa cho câu, ta giả định đặt thêm dấu phẩy vào các câu thơ trên, như sau: *Sau lưng, thêm, nắng, lá, rơi đây; Nửa chùng xuân, thoát, gậy cành thiên hương*. Ta thấy các câu thơ này trông rối rắm, nát vụn, thậm chí còn gây tối nghĩa. Rõ ràng là so với việc ngắt giọng thì dấu phẩy có phần hạn chế hơn trong việc làm rõ nghĩa cho câu.

Nghĩa câu “tùy biến” theo dấu phẩy được “vận dụng” nhiều trong các mẫu chuyện cười, như sau:

(4) *Mẹ làm ca đêm ở nhà máy dệt. Bà ngoại nhắn tin hỏi thăm cháu: “Mẹ có làm ca đêm không? Con ngủ chưa?”. Cô bé nhắn lại: “Mẹ đã vào ca ba con ngủ với dì”. Bà ngoại đọc xong hoảng quá vội sang nhà cháu. Đến nơi thì thấy con rể đang ở một mình, đưa cháu đã sang nhà dì ngủ. Hóa ra cô cháu muốn nói “Mẹ vào ca ba, con ngủ với dì” được bà ngoại hiểu nhầm thành: “Mẹ vào ca, ba con ngủ với dì”.*

(5) Ông Phan Công nói dối vợ là ông đã có việc làm thêm buổi tối nên tạm thời không chung chăn chung gối được. Chẳng bao lâu bà vợ biết chồng đi ngủ với vợ hai, bèn đi thưa. Quan tòa ra lệnh cho Phan Công: “Ngủ với vợ cả, không được ngủ với vợ hai. Nhưng rồi bà vợ cả lại đi kiện vì chồng không thi hành án lệnh. Quan tòa tức giận đập bàn mắng bị cáo sao dám coi thường pháp luật, và gia tăng hình phạt, không cho Phan Công ngủ với vợ nào nữa. Phan Công kêu oan, trình lên quan bản án đánh máy, có chữ kí của quan và đóng mộc đang hoàng. Bản án ghi: “Ngủ với vợ cả không được, ngủ với vợ hai”. Thực ra ai cũng hiểu ý quan tòa, nhưng thư kí tòa đã ăn hối lộ của Phan Công, xé dịch cái dấu phẩy đi “một li” để chuyện sai đi “một dặm”, đúng hơn là đảo lộn án lệnh. Bút sa, ông tòa hết cãi, Phan Công cứ y án ngủ với vợ hai.

## 2.2. Thiếu vắng dấu phẩy và ngữ nghĩa của câu

Trong nhiều trường hợp, thiếu dấu phẩy, nghĩa của câu có thể sai, mơ hồ hoặc không xác định được. Quan sát các câu được đăng tải trên báo dưới đây:

(6) *Anh ta chạy lại xô ngã thằng bé giật dây chuyền của cô gái.*<sup>9</sup>

(7) *Trước vài ngàn người với lễ phục triều đình đứng trên sân trước cửa Ngọ Môn, tôi (Bảo Đại) đọc sắc chỉ cuối cùng của hoàng gia.* (Nguyệt san Báo Quân đội Nhân dân)<sup>10</sup>

(8) *Hội nghị sinh viên quốc tế chống chế độ phát xít Chile ủng hộ Việt Nam.* (Báo Nhân Dân, 21.11.75)<sup>11</sup>

Ở câu (6), nếu là “anh ta” là người tốt, không phải cướp giật, thì cần có dấu phẩy trước từ *xô*; còn nếu là “anh ta” là tên cướp giật, thì cần có dấu phẩy trước từ *giật*. Còn khi đọc câu (7), chúng ta hẳn thấy làm lạ vì sự kiện vài ngàn người mặc lễ phục triều đình quả là hiếm có trong lịch sử. Thật ra không phải vậy, chỉ có vua Bảo Đại mặc lễ phục triều đình - tác giả đã viết thiếu dấu phẩy sau từ *người*. Ở câu (8), người đọc dễ lầm tưởng là “*chế độ phát xít Chile ủng hộ Việt Nam*” chứ không phải là “*Hội nghị sinh viên quốc tế ủng hộ Việt Nam*” như ý định của người viết, để làm rõ nghĩa này, ta cần đặt dấu phẩy sau từ *Chile*.

Và như vậy, sau khi đặt thêm dấu phẩy, ta có các câu rõ nghĩa tương ứng như sau:

(6a) *Anh ta chạy lại, xô ngã thằng bé giật dây chuyền cô gái.*

(6a) *Anh ta chạy lại xô ngã thằng bé, giật dây chuyền của cô gái.*

(7a) *Trước vài ngàn người, với lễ phục triều đình đứng trên sân trước cửa Ngọ Môn, tôi ...*

(8a) *Hội nghị sinh viên quốc tế chống chế độ phát xít Chile, ủng hộ Việt Nam.*

## 3. Dấu phẩy và ngữ nghĩa của câu trong tiếng Anh

### 3.1. Chuyển vị dấu phẩy và ngữ nghĩa của câu

Tương tự tiếng Việt, việc thay đổi dấu phẩy trong câu tiếng Anh có thể tạo nên nghĩa khác nhau cho câu. Xét các ví dụ sau:

(9a) *A woman, without her man, is nothing.*

(9b) *A woman, \_without her, \_man is nothing.*

(10a) *Lawyers, give poor free legal advice.*

(10b) *Lawyers give poor, free legal advice.*

Với sự chuyển vị nhẹ nhàng của dấu phẩy mà ý nghĩa của câu (9a) “Phụ nữ rất cần đàn ông” chuyển thành “Đàn ông rất cần phụ nữ” ở câu (9b); đồng thời nghĩa của câu (10a) “Các luật sư (thường) cho lời khuyên miễn phí (nhưng) kém chất lượng” chuyển thành “Các luật sư (thường) cho người nghèo lời khuyên miễn phí” ở câu (10b).

Việc chuyển vị dấu phẩy có thể làm thay đổi hoàn toàn ngữ nghĩa của câu, có thể cứu sống một mạng người như câu chuyện dưới đây:

(11) *Không biết câu chuyện sau có thật hay không nhưng nó cho thấy được sức mạnh của dấu phẩy. Hoàng hậu Czarina Maria Fyodorovna có lần đã cứu sống một người bằng cách chuyển dấu phẩy trong tờ trát mà chồng bà, hoàng đế Alexander III, đã kí. Tờ trát ra lệnh đầy biệtxử cho đến chết một tội phạm ở Siberia. Phía dưới tờ trát vị hoàng đế viết: “Pardon impossible, to be sent to Siberia.” (Không thể tha bổng, đầy đi Siberia). Maria Fyodorovna đã hoán chuyển dấu phẩy trong lời phê của chồng bà như sau: “Pardon, impossible to be sent to Siberia.” (Tha bổng, không thể đầy đi Siberia). Thế là tội phạm được tự do [8 : 62].*

### 3.2. Thiếu vắng dấu phẩy và ngữ nghĩa của câu

<sup>9</sup>Dẫn theo Lê Văn Bài, Hoàng Xuân Tâm, Bùi Tất Tươi (1994), tr 70-71.

<sup>10</sup>Bài “Vua Bảo Đại làm chứng” của Hồ Tuấn, *Sự kiện và nhân chứng* - Nguyệt san Báo Quân đội Nhân dân, số 69, tháng 9/1999.

<sup>11</sup>Dẫn theo Nguyễn Đức Dân (1992).

### 3.2.1. Câu sai hoặc mơ hồ do thiếu vắng dấu phẩy

Trong nhiều trường hợp, do thiếu dấu phẩy mà câu bị sai hoặc mơ hồ:

(12) *A woman without her man is nothing.*

(13) *Let's eat grandma.*

(14) *Rachael Ray finds inspiration in cooking her family and her dog* (*Tails Magazine*, 10/2010)

Do thiếu dấu phẩy mà câu (12) là câu mơ hồ; câu (13) là câu sai (có nghĩa là “Nào, chúng ta hãy ăn thịt bà đi”); câu (14) là câu được đăng trên tờ bìa tạp chí *Tails* và cũng là câu sai (có nghĩa là “Cô Rachael Ray tìm thấy niềm hứng thú trong việc nấu nướng gia đình và con chó của mình”).

Để làm mất mơ hồ hoặc chỉnh sửa câu sai, ta đặt thêm dấu phẩy để có các câu rõ nghĩa tương ứng như sau:

(9a) *A woman<sub>2</sub> without her man, is nothing.*

(9b) *A woman<sub>2</sub> without her<sub>2</sub> man is nothing.*

(13a) *Let's eat<sub>2</sub> grandma.* (“Bà ơi, chúng ta ăn đi, bà.”)

(14a) *Rachael Ray finds inspiration in cooking<sub>2</sub> her family<sub>2</sub> and her dog.* (*Tails Magazine*, 10/2010)

(“Cô Rachael Ray tìm thấy niềm vui thú ở việc nấu nướng, ở gia đình và ở chú chó của mình”).

### 3.2.2. Câu có nghĩa khác nhau tùy thuộc vào sự vắng mặt hoặc có mặt của dấu phẩy

Trong nhiều hợp, ta cũng thấy câu có nghĩa khác nhau tùy vào sự vắng mặt hoặc có mặt của dấu phẩy. Quan sát ví dụ sau:

(15a) *Don't stop! (Xin đừng dừng lại.)*

(15b) *Don't<sub>2</sub> stop! (Xin đừng lại.)*

(16a) *The cats<sub>2</sub> who ate the pizza<sub>2</sub> climbed the flowerpot<sup>12</sup>.*

(*Tất cả các con mèo (đang đề cập đến) đều trèo lên chậu hoa*)

(16b) *The cats who ate the pizza climbed the flowerpot.*

(*Chỉ những con mèo ăn pizza mới trèo lên chậu hoa*)

Chỉ thêm một dấu phẩy mà nghĩa câu (15a) trái ngược hoàn toàn với câu (15b). Còn ở câu (16a), *who ate the pizza* được phân cách bởi hai dấu phẩy, cho thấy nó là cú (clause) phụ thuộc, chỉ cho thêm thông tin, có thể lược bỏ mà không làm thay đổi nghĩa chính yếu của câu (“việc ăn pizza” là không thiết yếu). Trái lại, ở câu (16b), *who ate the pizza* được viết liền, không phân cách bởi dấu phẩy, cho thấy nó là thiết yếu, nếu lược bỏ thì sẽ thay đổi nghĩa của câu: trong trường hợp này, người viết muốn nhấn mạnh rằng “chỉ có những con mèo ăn pizza mới trèo lên chậu hoa”.

Tương tự:

(17a) *My son, John<sub>2</sub> studies history.*

(17b) *My son John studies history.*

Ở câu (17a), sự hiện diện của dấu phẩy cho thấy người nói chỉ có một đứa con duy nhất; còn ở câu (17b), sự thiếu vắng dấu phẩy cho thấy người nói có hơn một đứa con).

Việc thêm vào hay bớt đi một dấu phẩy có thể làm thay đổi ngữ nghĩa của câu, và trong nhiều trường hợp, nó có “giá trị” rất cao, như câu chuyện có thật sau đây về dấu phẩy trị giá 2,13 triệu đôla:

(18) Theo nhật báo *Globe and Mail* ở Toronto (ngày 6/8/2008), một dấu phẩy thêm vào hợp đồng đã gây tổn hại cho công ti Rogers Communications Inc.(RCI) một khoản tiền không nhỏ. Vào năm 2002, khi kí hợp đồng với công ti Aliant Inc. (AI), RCI nghĩ rằng hợp đồng này sẽ kéo dài đến năm 2007 và có tiềm năng gia hạn thêm 5 năm nữa. Vì vậy RCI rất ngạc nhiên khi đầu năm 2005 nhận được thông báo của AI là hợp đồng có thể bị hủy và trị giá hợp đồng tăng lên rất nhiều - khoảng 2,13 triệu đôla. Và RCI càng ngạc nhiên hơn khi luật sư ở Hội đồng Truyền thông và Truyền thanh - Truyền hình

<sup>12</sup>Dẫn theo Nada Rendradjaja 9, 2013.

Canada (CRTC)<sup>13</sup> ủng hộ thông báo này. Tất cả vấn đề nằm ở trang 7 của hợp đồng, ghi rằng: “*The agreement shall continue in force for a period of five years from the date it is made, and there after for successive five year terms, unless and until terminated by one year prior notice in writing by either party.*” (“*Thỏa thuận này sẽ có hiệu lực trong thời hạn 5 năm kể từ ngày kí, và sau đó cho thời hạn 5 năm tiếp theo, trừ khi và cho đến khi có thông báo kết thúc bằng văn bản trước một năm của một trong hai bên*”). Ý định của RCI khi kí hợp đồng là hạn chế việc tăng giá thành ít nhất là 5 năm. Tuy nhiên luật sư của CRTC cho rằng hiệu lực thực sự của hợp đồng không tính đến những gì nằm giữa hai dấu phẩy trong câu trên. Dấu phẩy thứ hai cho phép kết thúc hợp đồng bất kì lúc nào, không cần lí do, miễn là phải thông báo trước một năm. Vấn đề này được giải thích rất đơn giản theo quy tắc 4 của *Top four guidelines for using commas effectively*<sup>14</sup>, đó là thành phần câu giữa hai dấu phẩy chỉ là phần thông tin phụ, không thiết yếu của câu, có thể lược bỏ. Nếu không có dấu phẩy thứ hai sau từ *terms*, việc kết thúc hợp đồng áp dụng cho những kì hạn 5 năm tiếp theo, và đây là những gì mà các luật sư của RCI nghĩ khi họ kí hợp đồng. Tuy nhiên việc thêm vào dấu phẩy thứ hai làm cho ngữ “*and there after... terms*” được xem như là phần chêm vào (interruption), không quan trọng - công ti AI đã lợi dụng điều này và không đợi đến hết

thời hạn 5 năm đầu tiên để thông báo về việc gia tăng trị giá hợp đồng.

### 3.2.3. Dấu phẩy chuỗi và ngữ nghĩa của câu

Trong tiếng Anh, có một loại dấu phẩy - dấu phẩy chuỗi (serial comma/ Oxford comma/ Harvard comma) - tạo nên một “cuộc chiến” thực sự vì nó, tốn nhiều giấy mực tranh luận giữa hai trường phái ủng hộ và phản đối việc dùng dấu phẩy này. Đây là dấu phẩy được đặt ngay trước liên từ (thường là *and, or, hoặc nor*) trong một chuỗi từ liệt kê có số lượng ít nhất là ba; ví dụ một danh sách gồm ba màu có thể được viết như sau “red, white, and blue” (có dấu phẩy chuỗi), hoặc như “red, white and blue” (không có dấu phẩy chuỗi). Trong tiếng Anh Mĩ, hầu hết mọi người có khuynh hướng sử dụng dấu phẩy chuỗi, nhưng nó lại ít được sử dụng trong tiếng Anh của người Anh. Vấn đề tranh luận về dấu phẩy này là do nó mang đặc tính vừa có thể giải quyết mơ hồ lại vừa tạo nên mơ hồ [10].

#### (i) Trường hợp làm mất mơ hồ

Dấu phẩy chuỗi có thể giải quyết mơ hồ trong nhiều trường hợp, quan sát các câu sau:

(19) *This book is dedicated to my parents, Ayn Rand and God.*

(20) *My usual breakfast is coffee, bacon and eggs and toast.*

Câu (19) là lời đề tặng trong một quyển sách, có sự mơ hồ về cha mẹ của tác giả, bởi vì *Ayn Rand and God* có thể là ngữ đồng vị với *my parents*, dẫn đến việc hiểu bố mẹ của người viết là *Ayn Rand* và *God*. Do vậy, nếu đặt dấu phẩy chuỗi trước từ *and* sẽ làm mất mơ hồ. Còn câu (20) không rõ *bacon* và *eggs* hoặc là *eggs* và *toast* gắn kết với nhau. Việc thêm dấu phẩy chuỗi sẽ làm mất sự mơ hồ này: với dấu phẩy sau *eggs*, bữa sáng sẽ là: 1. *coffee*, 2. *bacon and eggs*, 3. *toast*; với dấu phẩy sau *bacon* thì bữa sáng gồm: 1. *coffee*, 2. *bacon*, 3. *eggs and toast*.

#### (ii) Trường hợp tạo mơ hồ

<sup>13</sup> Canadian Radio-Television and Telecommunications Commission.

<sup>14</sup> Principle 4: Use a pair of commas to set off words, phrases, or clauses that interrupt a sentence:

“Words are, *of course*, the most powerful drug used by mankind.” (Rudyard Kipling)

“Literature is all, *or mostly*, about sex.” (Anthony Burgess)

But don't use commas to set off words that directly affect the essential meaning of the sentence:

“Your manuscript is both good and original. But the part *that is good* is not original, and the part *that is original* is not good.” (Samuel Johnson)

Ngược lại, trong một số trường hợp, dấu phẩy chuỗi có thể tạo mơ hồ như các câu sau:

(21) *This book is dedicated to my mother, Ayn Rand, and God*

Ở câu (21), dấu phẩy chuỗi sau *Ayn Rand* tạo mơ hồ về mẹ của người viết vì nó có thể tạo ra ngữ đồng vị, làm câu không rõ ràng. Câu có thể đề cập đến ba người (1. *my mother*, 2. *Ayn Rand*, 3. *God*) hoặc chỉ có hai người (1. *my mother*- tên là *Ayn Rand*, 2. *God*).

Nếu không có dấu phẩy chuỗi, lời đề tặng trên sẽ là (21a) *This book is dedicated to my mother, Ayn Rand and God*. Câu này không mơ hồ và đề cập đến ba người (1. *my mother*, 2. *Ayn Rand*, 3. *God*).

(iii) Trường hợp mơ hồ dù có sử dụng hay không sử dụng dấu phẩy chuỗi

Trong nhiều trường hợp, việc thêm hay bớt dấu phẩy chuỗi vẫn không giải quyết được mơ hồ, như sau:

(22a) *They went to Oregon with Betty, a maid, and a cook.*

(22b) *They went to Oregon with Betty, a maid and a cook.*

Câu (22a) có dấu phẩy chuỗi nhưng vẫn mơ hồ bởi vì ta không rõ *a maid* có đồng vị với *Betty* hay không, hoặc có thể là ba người. Mặt khác, câu (22b) không có dấu phẩy chuỗi nhưng vẫn mơ hồ bởi vì *Betty* có thể là *a maid* hoặc *a cook* (*a maid and a cook* được xem như là một ngữ đồng vị với *từ Betty*).

Về dấu phẩy chuỗi, có nhận định đáng chú ý của nhà báo Richard Clark (2007): “Tôi không thích sử dụng dấu phẩy chuỗi nhưng không thấy phiền hà gì nếu sử dụng nó để làm mất mơ hồ” mặc dù “...ở Anh nhiều người nói rằng thà cắt bỏ tay họ còn hơn bảo họ sử dụng dấu phẩy chuỗi” [8: 62]. Nhà báo này cũng có ý kiến làm rõ vấn đề: *Nếu không sử dụng dấu phẩy chuỗi, đôi khi chúng ta cũng gặp rắc rối. Chẳng hạn như câu: “These are the perfume of wisteria or a summer lunch: any of these revived memories of an easier time.”* (Biển cả, mùi hương cây đậu

tía, hoặc một bữa trưa hè: bất kì những gì như thế đã làm sống lại những kỉ niệm một thời thanh nhàn thư thái). Nếu loại bỏ dấu phẩy chuỗi, câu sẽ thay đổi nghĩa “Biển cả, mùi hương cây đậu tía hoặc mùi hương của một bữa trưa hè: bất kì...”. Cũng giống như vậy, những rắc rối cũng sẽ chờ đợi những người luôn sử dụng dấu phẩy chuỗi. Chẳng hạn, ở ngữ “toast, juice, hamandeggs”... nếu “ham” và “egg” được dùng cùng với nhau thì dấu phẩy chuỗi phải bỏ đi [8 : 62].

Nhìn chung, trong nhiều trường hợp, việc dùng hoặc không dùng dấu phẩy chuỗi là do sự ưa thích cá nhân. Khi viết cho một ấn phẩm cụ thể, người viết phải theo hướng dẫn của nhà xuất bản. Chẳng hạn *The Chicago manual of style, modern language association, American medical association* đề nghị nên sử dụng dấu phẩy chuỗi với lí do là nó làm mất mơ hồ và làm cho chuỗi đơn vị được liệt kê dễ hiểu hơn; nhưng *The Associated press, New York Times, và The Economist* thì không đồng ý với lí do là nó có thể gây mơ hồ và thừa. Vì vậy có một “nghịch lí” xảy ra là *The Oxford University press* yêu cầu sử dụng dấu phẩy chuỗi trong khi *The Oxford University PR department* thì không [2].

4. Tóm lại, dấu phẩy có thể được xem như là một sự phân đoạn logic trong văn viết giống như sự phân đoạn trong văn nói. Ngoài việc làm rõ nghĩa cho câu, nó còn tạo nên phong cách của người viết. Dấu phẩy chỉ là một kí hiệu nhỏ nhưng có sức mạnh lớn lao, có thể mang lại những điều thú vị, những nhầm lẫn “chết người”, cũng như tạo ra những tranh luận không ngừng về nó.

Hẳn là tất cả chúng ta đều biết sử dụng dấu phẩy. Dù vậy, nhận định sau đây của Ernest Gowers (1986) cũng đáng cho ta lưu ý: “Việc sử dụng dấu phẩy không thể được học, được hiểu bằng quy tắc. Nó không chỉ là cách thực hành thông thường biến đổi từ giai đoạn này đến giai đoạn khác... Hơn nữa sự “ngung nghi” có hai nhiệm vụ.

Nhiệm vụ thứ nhất cho thấy cấu trúc của câu - nhiệm vụ “ngữ pháp”. Nhiệm vụ thứ hai cho thấy nét bóng bẩy của ngữ nghĩa - nhiệm vụ “tu từ”. Ngoài ra, ý kiến của Richard Clark cũng đáng để chúng ta suy ngẫm: “Ngữ pháp giảng dạy ở nhà trường thường nhấn mạnh quá nhiều đến nhiệm vụ ngữ pháp của dấu phẩy... mặc dù tôi đồng ý rằng quy tắc ngữ pháp rất quan trọng, nhưng dấu phẩy là một trường hợp đặc biệt mà quy tắc này cần được ưu tiên chuyển một ít, cho bây giờ và mai sau...”[8 :61].

#### Tài liệu tham khảo

1. Gowers E. (1986), *The complete plain words*, 3rd edition (revised by Greenbaum S. and Whitcut J.), London: Penguin Books.
  2. Kristin Piombino (2013), *Infographic: The Oxford comma debate*, February 20.  
<http://www.healthcarecommunication.com/Main/Articles/10477.aspx>
  3. Lê Văn Bài, Hoàng Xuân Tâm, Bùi Tất Tuom (1994), *Giúp bạn nói đúng và viết đúng tiếng Việt*, Nxb Thuận Hoá.
  4. Lý Toàn Thắng (1971), *Bàn về những cơ sở của việc dùng dấu câu trong tiếng Việt*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 3, tr. 22 - 25.
  5. Mullan J. (2004), *The war of the commas*. The Guardian, 2 July.
  6. Nada Rendradjaja (2013), *Essential knowledge*, The Daily Californian, 9/2013.  
<http://www.dailycal.org/essential-knowledge/>
  7. Nguyễn Đức Dân và Trần Thị Ngọc Lang (1992), *Câu sai và câu mơ hồ*, Nxb Giáo dục.
  8. Richard Clark (2007), *The fatal comma*, *The write stuff*, Vol.16, No.2, The Journal of the European medical writers Association.
  9. Phạm Đan Quế (2009), *Về chữ "chết" trong Truyện Kiều*, 07/04/2009.  
<http://vietsciences.free.fr/vietnam/bienkhao-binhluan/vechuchettrongtruyenkiou.htm>
  10. *Serial comma*,  
[http://en.wikipedia.org/wiki/Serial\\_comma](http://en.wikipedia.org/wiki/Serial_comma).
- (Ban Biên tập nhận bài ngày 08-11-2013)

#### “KHI NÀO...”

#### - GIẢ ĐỊNH HAY HIỆN THỰC ?”

(tiếp theo trang 28)

một câu *khi* nào thì lại có tính hiện thực cao hơn *nếu*.

Nghĩa là, dưới góc độ của người nghe, tính “hiện thực” giảm dần từ *khi* (vd (24)), đến “hiện thực yếu” với *khi* nào (vd (25)) và cuối cùng là “giả định” với *nếu* (vd (26)). Nói cách khác, ba cách diễn đạt trên dường như tạo thành một chuỗi liên tục từ hiện thực đến giả định (*khi* - *khi* nào - *nếu*).

Có lẽ đây là một đặc điểm của tiếng Việt, một ngôn ngữ không có thức ngữ pháp, khác với một số ngôn ngữ như tiếng Anh chẳng hạn.

(**Chú thích:** Cũng cần nói thêm, những phân tích trên dành cho những sự việc xảy ra *một lần*, còn đối với những sự việc xảy ra *nhiều lần* (thói quen, chân lí hoặc quy luật) thì *khi*, *khi* nào và *nếu* hoàn toàn có thể thay thế cho nhau:

- (1) a. *Khi* rảnh, nó đọc sách ngay.  
b. *Khi* nào rảnh, nó đọc sách ngay.  
c. *Nếu* rảnh, nó đọc sách ngay.
- (2) a. *Khi* nhiệt độ lên đến 100 độ, nước sẽ sôi.  
b. *Khi* nào nhiệt độ lên đến 100 độ, nước sẽ sôi.  
c. *Nếu* nhiệt độ lên đến 100 độ, nước sẽ sôi.)

#### Tài liệu tham khảo

1. Akatsuka Noriko (1986), *Conditionals are discourse-bound*, trong Traugott et al, *On conditionals*, Cambridge: Cambridge University Press.
  2. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Q 1, Nxb KHXH.
  3. Fauconnier Gilles (1985), *Mental space*, The MIT press, Cambridge.
  4. Kuno Susumu (1973), *The structure of the Japanese Language*, The MIT Press.
  5. Lê Thị Minh Hằng (2004), *Một đề nghị phân loại câu điều kiện tiếng Việt*, Tc Ngôn ngữ, số 2, H.
  6. Nguyễn Khánh Hà (2009), *Câu điều kiện tiếng Việt - nhìn từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận*, Nxb KHXH, H.
  7. Sweetser Eve (1990), *From etymology to pragmatics*, Cambridge: Cambridge U.P.
- (Ban Biên tập nhận bài ngày 08-11-2013)